TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày 15-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Nguyễn Vă Đen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: Số 22 đường N, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: 1. Ông Nguyễn Trọng N

2. Ông Võ Duy T

Cùng địa chỉ: Lầu 6, số 131 đường T, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 12 năm 2024

(Ông Thanh có mặt, ông Nghĩa vắng mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Như N, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2024 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Võ Duy T trình bày:*

Ngày 14/12/2016, Bà Phạm Thị Như N cùng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã ký Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGDTL ngày 14/12/2016 với nội dung như sau:

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, PV đã giải ngân cho bà Phạm Thị Như N số tiền 70.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng. Thời gian vay: 60 tháng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Bà Phạm Thị Như N đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. PV đã nhiều lần gửi thông báo, công văn để yêu cầu bà Phạm Thị Như N thanh toán khoản vay cho PV theo đúng quy định. Tuy nhiên, Bà Phạm Thị Như N đã không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, số tiền mà bà Phạm Thị Như N đã thanh toán cho PV là 33.421.658 đồng (Trong đó: nợ gốc là 20.721.571 đồng; nợ lãi là 12.700.0887 đồng).

Tạm tính đến ngày 14/02/2025, bà Phạm Thị Như N còn nợ PV số tiền 130.340.704 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 49.278.429 đồng, Nợ lãi là 81.062.275 đồng).

Nay PV yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

1. Buộc bà Phạm Thị Như N thanh toán cho PV tổng số nợ tạm tính đến ngày 14/02/2025 là 130.340.704 đồng (Trong đó: nợ gốc 49.278.429 đồng; nợ lãi 81.062.275 đồng);

2. Bà Phạm Thị Như N phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 15/02/2025 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGDTL ngày 14/12/2016 cho đến khi bà Phạm Thị Như N thanh toán xong khoản nợ.

3. Nếu bà Phạm Thị Như N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì PV có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Phạm Thị Như N theo nghĩa vụ nợ của Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGDTL ngày 14/12/2016.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Võ Duy T trình bày:*

Phía PV giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu:

1. Buộc bà Phạm Thị Như N thanh toán cho PV tổng số nợ tạm tính đến ngày 15/4/2025 là 132.534.699 đồng (Trong đó: nợ gốc 49.278.429 đồng; nợ lãi 83.256.270 đồng);

2. Bà Phạm Thị Như N phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 16/4/2025 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGDTL ngày 14/12/2016 cho đến khi bà Phạm Thị Như N thanh toán xong khoản nợ.

3. Nếu bà Phạm Thị Như N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì PV có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Phạm Thị Như N theo nghĩa vụ nợ của Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGDTL ngày 14/12/2016.

* Bị đơn bà Phạm Thị Như N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên bị đơn bà Phạm Thị Như N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ tạm tính đến ngày 15/4/2025 là 132.534.699 đồng (Trong đó: nợ gốc 49.278.429 đồng; nợ lãi 83.256.270 đồng). Bị đơn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 16/4/2025 theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGDTL ngày 14/12/2016 cho đến thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Thới Lai nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Phạm Thị Như N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bà N là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 12/12/2024 và Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGD.TL ngày 14/12/2016 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng. Do đó, xác định đây là loại kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặc dù Công an xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xác nhận *" Qua kiểm tra trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Đ/s Phạm Thị Như N, sinh năm 1993 không có đăng ký thường trú tại địa phương"* nhưng nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bà N trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Hợp đồng cho vay trả góp theo lương, Khế ước nhận nợ và sổ hộ khẩu bà N cung cấp cho nguyên đơn tại thời điểm vay vốn. Bà N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGD.TL ngày 14/12/2016 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký hợp đồng tín dụng trả góp với nguyên đơn để vay số tiền 70.000.000 đồng, dư nợ 70.000.000 đồng kèm theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ có chữ ký của bị đơn đã thể hiện giữa bị đơn và nguyên đơn có sự giao dịch vay vốn. Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn vốn gốc 20.721.571 đồng, lãi là 12.700.087 đồng thì ngưng trả, dư nợ hiện tại tính đến ngày 15/4/2025 là 132.534.699 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng trả góp nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 3 của hợp đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 49.278.429 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Hợp đồng Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGD.TL ngày 14/12/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi suất, phí, phạt vi phạm, trong đó có lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí, phạt vi phạm được quy định tại Điều 2 của hợp đồng một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Bảng tính lãi nguyên đơn cung cấp, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2025 với số tiền 83.256.270 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ tạm tính đến ngày 15/4/2025 là 132.534.699 đồng (Trong đó: nợ gốc 49.278.429 đồng; nợ lãi 83.256.270 đồng).

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015;

- Điều 361, Điều 362 và Điều 363 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ với bị đơn bà Phạm Thị Như N.

Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ tạm tính đến ngày 15/4/2025 là 132.534.699 đồng *(Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).* Trong đó: nợ gốc 49.278.429 đồng; nợ lãi 83.256.270 đồng.

Bị đơn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 16/4/2025 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 252/2016/HĐTD/PVB-PGDTL ngày 14/12/2016 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 6.627.000 đồng *(Sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).*

Nguyên đơn được nhận lại 3.191.000 đồng *(Ba triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004712 ngày 14/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thái Minh Ngọc